

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/TCDS-ST

Ngày 19-8-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê
khoán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU - TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.

2. Bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST – DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về: Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu. Địa chỉ: Tiểu khu Cờ đỏ, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh H - Chức vụ: Phó tổng giám đốc (theo giấy ủy quyền số 43/GUQ, ngày 26 tháng 02 năm 2022). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Việt A và bà Dương Thị H - Đều là luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quốc tế B – Đoàn Luật sư Hà Nội. Địa chỉ: Phòng 302, Tầng 3, Số 22 phố H, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969. Đều trú tại: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu trình bày:

Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu (sau đây xin viết tắt là Công ty) tiền thân là Nông trường Quốc Doanh M III là chủ sử dụng đất của 6.225.128,0m² (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn một trăm hai mươi tám mét vuông) đất tại xã T và thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh Sơn La (Trước đây là Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 31/10/1992 của UBND tỉnh Sơn La); Hợp đồng thuê đất số 1147/HĐ-TĐ ký ngày 29/02/2016 với Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 363457 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La cấp ngày 29/02/2016; mục đích sử dụng đất là làm đất nông nghiệp; thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 10/12/2055.

Quá trình sử dụng đất, Công ty đã sử dụng một phần diện tích đất nêu trên vào mục đích trồng chè và giao khoán đất chè cho các hộ lao động nhận khoán đất của Công ty. Theo đó Công ty đã giao đất trồng chè và cây chè cho các hộ dân để tiến hành chăm sóc, quản lý và thu hái chè; Công ty chịu trách nhiệm quản lý và bao tiêu 100% sản phẩm chè búp tươi do các hộ dân thu hoạch.

Ngày 06/03/2014, Công ty đã ký Hợp đồng giao khoán đất chè Shan Tuyết số 04 – 0086/HĐKT-CTY với hộ gia đình bà Nguyễn Thị M + ông Nguyễn Văn D.

Thực hiện thông báo số 09/TB-CT, ngày 26 tháng 01 năm 2019 của giám đốc Công ty V/v: Ký lại Hợp đồng giao khoán đất sản xuất theo Quyết định 439/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Sơn La. Ngày 01/04/2019, Công ty đã ký lại Hợp đồng giao khoán đất chè hằng năm số 65 HĐ/GKĐC với hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D, có nội dung: Công ty giao cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D nhận khoán chăm sóc, quản lý, thu hái chè Shan Tuyết tại Bản Ôn, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La với tổng diện tích là 3.830m², trong đó có 1.450m² đất chè có tuổi chè từ năm 1979 và 2.380m² đất chè chuyển đổi.

Sau khi giao khoán đất chè, các bên đã thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên theo Hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Đến cuối năm 2020 Công ty có chủ trương chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất từ hình thức giao khoán hàng năm cho người lao động sang hình thức tổ chức sản xuất tập trung và Công ty cho các hộ đăng ký tham gia vào các tổ, đội sản xuất. Tuy nhiên, hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D không hợp tác mà vẫn tiếp tục chiếm hữu, sử dụng đất trồng chè của Công ty.

Ngày 27/11/2021 hộ bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D đã tự ý chặt, phá 1.450 m² cây chè có độ tuổi từ năm 1979 của Công ty. Ngày 29/11/2021, đại diện Công ty đã tiến hành kiểm tra hiện trạng và lập biên bản kiểm tra hiện trạng đồng chè đơn vị B ghi nhận hiện trạng toàn bộ 1.450m² chè có độ tuổi từ năm 1979 đã bị phá hủy hoàn toàn.

Ngày 01/12/2021, Công ty đã trình báo đến Công an huyện M về việc phá hoại tài sản, lấn chiếm đất sản xuất của các hộ dân và đề nghị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/12/2021, Công an huyện M đã có văn bản số 4309/CV-CAH về việc trả lời đơn của Công ty có nội dung xác định 07 hộ dân trong đó có hộ bà Nguyễn Thị M đã tự ý chặt phá cây chè để trồng các loại cây nông nghiệp khác mà chưa bàn bạc thống nhất và thông qua ý kiến của Công ty. Đồng thời hướng dẫn trường hợp các hộ dân không nhất trí bồi thường thiệt hại cho Công ty thì Công ty có quyền khởi kiện các hộ dân ra Tòa án dân sự huyện Mộc Châu để được giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty theo quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La thì đơn giá đền bù cho 01 cây chè đang trong thời kỳ kinh doanh thu hoạch trên 10 năm là 19.000đồng/cây.

Về số lượng cây chè trồng theo tiêu chuẩn: (Hàng cách hàng: 1,5m; cây cách cây: 0,4m) là: 16.667 cây/1ha. Theo đó, 1ha chè đang trong thời kỳ kinh doanh thu hoạch trên 10 năm có giá trị là: 316.673.000 đồng (Ba trăm mười sáu triệu, sáu trăm bảy ba nghìn đồng chẵn). Như vậy, 1.450m² cây chè đã bị hộ bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D chặt phá có giá trị là 45.917.585 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm mười bảy nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề cụ thể sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D phải bồi thường cho Công ty toàn bộ thiệt hại đối với 1.450m² chè đã bị bà Mai + ông Duẩn chặt phá với tổng số tiền là 45.917.585 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm mười bảy nghìn, năm trăm tám mươi lăm đồng).

2. Buộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D phải chấm dứt việc sử dụng trái phép và trả lại diện tích 1.450m² đất chè tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La cho Công ty.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề cụ thể sau:

1. Yêu cầu thanh lý (chấm dứt) hợp đồng giao khoán đất chè đối với phần diện tích 1.446,6 m² (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2022) giữa Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải chấm dứt việc sử dụng trái phép và trả lại diện tích 1.446,6m² đất chè tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải di dời toàn bộ cây trồng trên diện tích đất giao khoán.

2. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu toàn bộ thiệt hại đối với 1.446,6m² chè đã bị bà Mai, ông Duẩn chặt phá với tổng số tiền là 42.674.700 đồng (Bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bảy trăm đồng).

Quá trình tố tụng và tại phiên toà bị đơn có yêu cầu phản tố ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 1990 bà Mai là công nhân Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu, đầu năm 1993 bà M và ông Dn kết hôn, sau khi ông bà kết hôn có được Nông trường C ký hợp đồng nhận khoán và giao cho chúng tôi đất ở và đất sản xuất (trong đó đất sản xuất cụ thể như sau: Đất chè là 1443m², đất ngô 2896m², đất trồng ngô 2000m², đất trồng mận 1000m², đất trồng mận 1000m², đất ngô 1000m²), hàng năm sau khi nhận khoán ông bà vẫn thực hiện nghĩa vụ đóng thuế sản hàng năm đầy đủ. Từ khi nhận khoán chúng tôi vẫn chăm sóc cây chè cẩn thận nhưng từ năm 2021 đến nay công ty không thực hiện việc thu mua chè búp tươi do chi phí đầu tư và chăm sóc quá nhiều mà công ty không thu mua do đó chúng tôi đã chuyển đổi cây trồng từ cây chè sang cây cam.

Ông bà khẳng định diện tích đất trồng chè và các đất trồng ngô, mận do nông trường cấp. Nay Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu yêu cầu gia đình ông bà phải trả 1450m² chè và bồi thường thiệt hại số tiền 45.917.585 đồng ông bà không nhất trí vì ông bà không vi phạm hợp đồng nhận khoán với công ty vì công ty không thu mua chè của gia đình ông bà nên ông bà mới chuyển đổi cây trồng từ cây chè sang cây cam từ tháng 11/2021.

Đối với chữ ký trong hợp đồng giao khoán đất chè hàng năm ngày 01/4/2019 giữa Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu với gia đình ông bà M D, ông bà khẳng định chữ ký M và chữ viết Nguyễn Thị M, chữ ký D và chữ viết Nguyễn Văn D không phải là chữ ký của ông bà.

Ông D, bà M thừa nhận chỉ ký vào một tờ của hợp đồng mua bán sản phẩm 06/3/2014, bây giờ ông bà mới biết tên hợp đồng mà công ty giao nộp cho Tòa án là hợp đồng giao khoán chè San tuyết ngày 06/3/2014. Việc công ty viết nội dung của hợp đồng thì ông bà không biết, bà M chỉ được ký vào tờ cuối cùng của hợp đồng.

Ông D, bà M yêu cầu Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu phải trả cho ông bà tiền sản hàng năm từ năm 1994 đến năm 2020 vì cuối năm 2020 Công ty mới hợp chuyển cây chè 1980 sang chè kinh doanh.

Ông D, bà M khẳng định chữ ký trong sổ theo dõi hợp đồng nhận khoán và sử dụng đất nông nghiệp là chữ ký của ông bà.

Đồng thời ông D, bà M yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau: Ông bà yêu cầu Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu phải trả cho ông bà tổng số tiền 71.600.000 đồng tiền thiệt hại do Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu không thu mua chè của gia đình ông bà gồm các khoản cụ thể như sau:

Tiền công cày: 02 lần x 800.000 đồng/01 lần = 1.600.000 đồng (thuê người dân tộc Mông không nhớ tên);

Tiền công làm cỏ: 09 buổi x 250.000 đồng/01 ngày x 04 người = 9.000.000 đồng. (thuê vợ chồng T - H, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La).

Thuốc sâu: Phun 12 lần x 700.000đồng/ 01 lần = 8.400.000 đồng. (mua thuốc sâu tại cửa hàng nhà L - K, địa chỉ: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La).

Tiền công đốn chè (để có búp non): 1.000.000 đồng (thuê người dân tộc Mông không nhớ tên).

Tiền hái chè: 09 buổi x 250.000 đồng/01 ngày x 04 người = 9.000.000 đồng (không nhớ thuê ai).

Tiền phân bón thúc: 02 lần bón x 250kg/01 lần x 1.500.000 đồng/100kg = 7.500.000 đồng (mua tại cửa hàng nhà L - K, địa chỉ: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La).

Tiền phân bón hàng hàng tháng: 07 lần x 100 kg/01 lần x 1.800.000đồng/100kg = 12.600.000 đồng (mua tại cửa hàng nhà L - K, địa chỉ: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La).

Và 22.500.000 đồng tiền lãi phải trả cho ông bà P - Đ, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La). Lý do trả tiền lãi cho ông bà P - Đ là do ông bà vay ông bà P – Đ số tiền 50.000.000 đồng để đầu tư, chăm sóc, thu hái chè mà Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu không thu mua.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu và đề nghị.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán đất chè giữa Công ty cổ phần chè C Mộc Châu với ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M đối với phần diện tích đất 1.446,6m² tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải chấm dứt việc sử dụng trái phép và trả lại diện tích 1.446,6m² đất chè tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu.

- Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải di dời toàn bộ cây trồng trên diện tích đất 1.446,6m² đất giao khoán thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu.

- Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu toàn bộ thiệt hại đối với 1.446,6m² chè đã bị bà Mai, ông Duẩn chặt phá với tổng số tiền là 42.674.700 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M.

Ý kiến của đại diện VKSND huyện Mộc Châu như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 200; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 483; Điều 484; Điều 485; Điều 486; Điều 487; Điều 488; Điều 489; Điều 490; Điều 491; Điều 492; Điều 493; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán đất chè giữa Công ty cổ phần chè C Mộc Châu với ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M đối với phần diện tích đất 1.446,6m² tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

2. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M phải chấm dứt việc sử dụng trái phép và trả lại 1.446,6m² đất tại B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu.

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể:

Phía Bắc: Từ M1 đến M29 có chiều dài 14,28m, từ M29 đến M28 có chiều dài 8,65m giáp đường đất.

Phía Đông: Từ M28 đến M27 có chiều dài 16,32m, giáp đất nhà Hiếu Minh. Từ M27 đến M26 có chiều dài 9,54m, từ M26 đến M25 có chiều dài 18,86m, từ M25 đến M24 có chiều dài 15,96m, từ M24 đến M23 có chiều dài 8,05m, từ M23 đến M22 là 14,0m, từ M22 đến M21 có chiều dài 10,86m, từ M21 đến M20 có chiều dài 9,16m, từ M20 đến M19 có chiều dài là 18,71m, từ M19 đến M18 có chiều dài 9,30m. Đền giáp đất nhà ông Q. Từ M18 đến M17 có chiều

dài 4,55m, từ M17 đến M16 có chiều dài 9,51m, từ M16 đến M15 có chiều dài 4,56m, từ M15 đến M14 có chiều dài 2,12m đều giáp đất Mai-Duẩn. Từ M14 đến M13 có chiều dài 6,28 giáp đất nhà M-D.

Phía Nam: Từ M13 đến M12 có chiều dài là 2,85m, từ M12 đến M12' có chiều dài là 5,32m, từ M11' đến M10 có chiều dài 1,26m, từ M10 đến M9 có chiều dài là 11,34m đều giáp đất nhà M-D.

Phía Tây: Từ M9 đến M8 có chiều dài 13,49m, từ M8 đến M7 có chiều dài 12,29m, từ M7 đến M6 có chiều dài là 8,04 m, từ M6 đến M5 có chiều dài 17,63m, từ M5 đến M4 có chiều dài 19,99m, từ M4 đến M3 có chiều dài 16,89m, từ M3 đến M2 có chiều dài 15,83m, từ M2 đến M1 có chiều dài là 26,07m đều giáp đất nhà M - D.

3. Buộc ông Nguyễn Văn D bà Nguyễn Thị M phải di dời toàn bộ 78 cây cam ghép trồng từ 02 năm trở lên, 05 cây cam ghép trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm, 16 cây cam ghép cho quả từ 05 năm đến dưới 10 năm, 30 cây chuối sắp cho quả và cây đã cho ra quả nằm trên diện tích đất 1.446,6 m² tại tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

4. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu toàn bộ thiệt hại đối với 1.446,6m² chè đã bị ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M chặt phá với tổng số tiền là 42.674.700 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M việc yêu cầu Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu phải trả ông bà số tiền 71.600.000 đồng tiền thiệt hại do Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu không thu mua chè.

6. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Chấp nhận việc Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ.

7. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản giữa nguyên đơn Công ty cổ phần chè Cở đồ Mộc Châu với bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M, có nơi cư trú tại: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu thanh lý (chấm dứt) hợp đồng thuê khoán tài sản giữa Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M đối với diện tích 1446,6m² và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu.

Ngày 06/03/2014, Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu đã ký Hợp đồng giao khoán đất chè Shan Tuyết số 04 – 0086/HĐKT-CTY với hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D.

Thực hiện thông báo số 09/TB-CT, ngày 26 tháng 01 năm 2019 của giám đốc Công ty V/v: Ký lại Hợp đồng giao khoán đất sản xuất theo Quyết định 439/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Sơn La. Ngày 01/04/2019, Công ty đã ký lại Hợp đồng giao khoán đất chè hàng năm số 65 HĐ/GKĐC với hộ gia đình bà Nguyễn Thị M + ông Nguyễn Văn D, có nội dung: Công ty giao cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D nhận khoán chăm sóc, quản lý, thu hái chè Shan Tuyết tại B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La với tổng diện tích là 3.830m², trong đó có 1.450m² đất chè có tuổi chè từ năm 1979 và 2.380m² đất chè chuyển đổi.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận chữ ký M và chữ viết Nguyễn Thị M, chữ ký D và chữ viết Nguyễn Văn D trong hợp đồng giao khoán đất chè hàng năm ngày 01/4/2019 không phải là chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, bà M thừa nhận có ký hợp đồng nhận khoán đất chè Shan Tuyết số 04 – 0086/HĐKT-CTY của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu; ông D, bà M khẳng định chữ ký trong sổ theo dõi hợp đồng nhận khoán và sử dụng đất nông nghiệp là chữ ký và chữ viết của ông D, bà M. Vì vậy, có căn cứ để xác định giữa Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu với ông bà Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị M có xác lập giao dịch thuê khoán tài sản với nhau. Hợp đồng giao khoán đất chè ngày 01/4/2019 là không hợp pháp nhưng Hợp đồng giao khoán đất chè Shan Tuyết số 04 – 0086/HĐKT-CTY giữa Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu với bà Nguyễn Thị M vẫn còn thời hạn đến hết ngày 31/12/2023.

Cuối năm 2020, Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu có chủ trương mô hình tổ chức sản xuất từ hình thức giao khoán hàng năm cho người lao động sang

hình thức tổ chức sản xuất tập trung và Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu cho các hộ đăng ký tham gia vào các tổ, đội sản xuất. Tuy nhiên, hộ gia đình bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D không hợp tác mà vẫn tiếp tục chiếm hữu, sử dụng đất trồng chè của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu. Đồng thời, ngày 27/11/2021, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D đã tự ý chặt, phá cây chè có độ tuổi từ năm 1979 của Công ty trên diện tích đất thuê khoán. Việc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D tự ý chặt, phá cây chè để chuyển đổi cây trồng từ cây chè sang cây cam từ ngày 27/11/2021 là vi phạm Điều 5 mục II Hợp đồng giao khoán đất chè Shan Tuyết số: 04-0086/HĐKT-CTY giữa Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu với ông bà M – D.

Mặt khác, ngoài diện tích 1446,6 m² đất đã giao khoán thì bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D còn đang thực hiện việc canh tác trên diện tích 2.380m² đất chè cũng nhận khoán từ Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu. Do đó, diện tích đất chè giao khoán đang tranh chấp không phải là nguồn sống duy nhất của ông D, bà M.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 492 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê khoán:

“2. Trường hợp bên thuê khoán vi phạm nghĩa vụ mà việc khai thác đối tượng thuê khoán là nguồn sống duy nhất của bên thuê khoán và việc tiếp tục thuê khoán không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của bên cho thuê khoán thì bên cho thuê khoán không được đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng; bên thuê khoán phải cam kết với bên cho thuê khoán không được tiếp tục vi phạm hợp đồng.”

Theo quy định tại Điều 493 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trả lại tài sản thuê khoán:

“Khi chấm dứt hợp đồng thuê khoán, bên thuê khoán phải trả lại tài sản thuê khoán ở tình trạng phù hợp với mức độ khấu hao đã thỏa thuận; nếu làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản thuê khoán thì phải bồi thường thiệt hại.”

Xét yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê khoán của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu do hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của bên thuê khoán không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 492 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê khoán, buộc và Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn D phải trả lại diện tích đất đã giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với các tài sản có trên đất: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để kiểm kê toàn bộ tài sản hiện có trên diện tích đất nhận khoán, Hội đồng định giá tiến hành định giá tài sản, ông D, bà M có mặt nhưng khi thông qua biên bản, ông D, bà M không có mặt mặc dù đã được lãnh đạo Tiểu khu B mời để thông báo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2022 có kết quả như sau:

Về đất: Theo kết quả trích đo hiện trạng diện tích đất đang có tranh chấp có tổng diện tích là 1486,4m². (trừ đi 39,8m² đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà M – D) còn lại 1.446,6m² có tứ bề giáp cận như sau:

Phía Bắc: Từ M1 đến M29 có chiều dài 14,28m, từ M29 đến M28 có chiều dài 8,65m giáp đường đất.

Phía Đông: Từ M28 đến M27 có chiều dài 16,32m, giáp đất nhà Hiếu Minh. Từ M27 đến M26 có chiều dài 9,54m, từ M26 đến M25 có chiều dài 18,86m, từ M25 đến M24 có chiều dài 15,96m, từ M24 đến M23 có chiều dài 8,05m, từ M23 đến M22 là 14,0m, từ M22 đến M21 có chiều dài 10,86m, từ M21 đến M20 có chiều dài 9,16m, từ M20 đến M19 có chiều dài là 18,71m, từ M19 đến M18 có chiều dài 9,30m. Đều giáp đất nhà ông Q. Từ M18 đến M17 có chiều dài 4,55m, từ M17 đến M16 có chiều dài 9,51m, từ M16 đến M15 có chiều dài 4,56m, từ M15 đến M14 có chiều dài 2,12m đều giáp đất Mai-Duẩn. Từ M14 đến M13 có chiều dài 6,28m giáp đất nhà M-D.

Phía Nam: Từ M13 đến M12 có chiều dài là 2,85m, từ M12 đến M12' có chiều dài là 5,32m, từ M11' đến M10 có chiều dài 1,26m, từ M10 đến M9 có chiều dài là 11,34m đều giáp đất nhà M-D.

Phía Tây: Từ M9 đến M8 có chiều dài 13,49m, từ M8 đến M7 có chiều dài 12,29m, từ M7 đến M6 có chiều dài là 8,04 m, từ M6 đến M5 có chiều dài 17,63m, từ M5 đến M4 có chiều dài 19,99m, từ M4 đến M3 có chiều dài 16,89m, từ M3 đến M2 có chiều dài 15,83m, từ M2 đến M1 có chiều dài là 26,07m đều giáp đất nhà M - D.

Về tài sản trên đất: Tài sản trên tổng diện tích đang có tranh chấp, gồm:

- 58 cây cam ghép trồng từ 02 năm trở lên;
- 05 cây cam ghép trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm;
- 16 cây cam ghép cho quả từ 05 năm đến dưới 10 năm;
- 20 cây cam ghép trồng từ 02 năm trở lên;
- 30 cây chuối sắp cho quả và cây đã cho ra quả cao từ 01m trở lên.

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 14/7/2022 có kết quả như sau:

58 cây cam ghép trồng từ 02 năm trở lên có giá 123.000 đồng/01 cây = 7.134.000 đồng; 05 cây cam ghép trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm là 100.000 đồng/01 cây = 500.000 đồng; 16 cây cam ghép cho quả từ 05 năm đến dưới 10 năm là 1.050.000 đồng/01 cây = 16.800.000 đồng; 30 cây chuối sắp cho quả và cây đã cho ra quả cao từ 01m trở lên có giá 35.000.000 đồng/01 cây = 1.050.000 đồng.

Tổng giá trị cây trồng trên diện tích đang tranh chấp là 27.944.000đ (Hai mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Giá trị cây chè mà ông bà M + D đã chặt phá của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu do thực tế không còn cây chè và gốc chè trên diện tích đất tranh chấp nên hội đồng định giá không xác định được số lượng cây chè thực tế. Hội đồng

căn cứ vào Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La để tính giá trị số chè mà ông bà Mai + Duẩn đã chặt phá của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu là $29.500 \text{ đồng}/01 \text{ m}^2 \times 1446,6 \text{ m}^2 = 42.674.700 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng giá trị thiệt hại do hành vi chặt phá cây chè của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn D là 42.674.700 đồng.

Toà án đã tổng đạt Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2022 và Biên bản định giá tài sản ngày 14/7/2022 cho các đương sự trong vụ án, nhưng không ai có ý kiến gì.

Đối với số cây trồng trên diện tích 1446,6 m² bà M, ông D tự ý trồng và không được sự đồng ý của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu, diện tích đất trên xác định là đất của Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu dùng vào mục đích trồng chè do đó cần buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M phải di dời.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu phải trả cho ông bà tổng số tiền 71.600.000 đồng tiền thiệt hại do Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu không thu mua chè.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Dương Văn H, sinh năm 1971 có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Qua xác minh, ông H, bà T cho biết do không có công ăn việc làm ổn định nên trong B có ai thuê làm gì thì ông H, bà T làm đấy. Trước đây ông bà M D còn có nương chè thường hay thuê vợ chồng ông bà ra làm cỏ chè, một năm làm được bao nhiêu buổi thì vợ chồng ông bà không nhớ (năm 2021 làm được bao nhiêu buổi, được bao nhiêu tiền thì vợ chồng ông bà không nhớ) Từ tháng 11/2021 ông bà M D chặt chè thì không thuê vợ chồng ông bà ra làm nữa. Trung bình một ngày công là 250.000 đồng/01 người/01 ngày.

Xác minh với ông Đào Trọng Đ, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Qua xác minh, ông Đ, bà P cho biết cuối năm 2020, gia đình ông Đ có cho ông D, bà M vay 50.000.000 đồng để ông D, bà M đầu tư vào sản xuất. Hiện tại ông D, bà M đã thanh toán đủ số tiền vay, còn số tiền lãi do thời gian đã lâu nên ông Đ, bà P không nhớ rõ. Giấy tờ vay mượn do đã thanh toán xong nên đã hủy.

Xác minh với bà Đặng Thị K, sinh năm 1959, có chồng là Lê Văn L, sinh năm 1954, địa chỉ tại: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Qua xác minh, Bà K cho biết ông bà M, D là khách hàng thường xuyên mua phân bón và thuốc sâu của cửa hàng bà K, về thời gian bán phân bón và thuốc sâu bà K không nhớ, chỉ nhớ đã bán 8.400.000 đồng tiền thuốc sâu, 7.500.000 đồng tiền phân bón thúc và 12.600.000 đồng tiền phân bón hàng tháng cho ông bà M, D. Bà K chỉ biết bán hàng còn ông bà M D mua về để làm gì thì bà K không biết. Việc mua bán không được ghi vào sổ sách.

Như vậy, theo kết quả xác minh không có căn cứ xác định số tiền cụ thể mà ông D bà M thuê ông bà T H bao nhiêu buổi, thành tiền là bao nhiêu tiền; không có căn cứ để xác định số tiền mua thuốc sâu, phân bón vào thời gian nào, mục đích sử dụng thuốc sâu, phân bón có phải để phục vụ chăm sóc cây chè đã chặt phá hay không; không có căn cứ để xác định số tiền lãi từ khoản tiền vay của ông bà P Đ là bao nhiêu, mục đích vay tiền có phải để đầu tư, chăm sóc, thu hái chè hay không.

Tòa án đã có thông báo số 437/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2022 về yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp nhưng ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu không thu mua chè, đồng thời không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh các thiệt hại từ việc không thu mua chè là 71.600.000đ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí là 1.500.000đ tiền chi phí định giá và 2.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 200; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 483; Điều 484; Điều 485; Điều 486; Điều 487; Điều 488; Điều 489; Điều 490; Điều 491; Điều 492; Điều 493; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu về việc chấm dứt hợp đồng giao khoán đất chè giữa Công ty cổ phần chè C Mộc Châu với ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M đối với phần diện tích đất 1.446,6m² tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

2. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M phải chấm dứt việc sử dụng trái phép và trả lại 1.446,6m² đất tại Bản Ôn, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu.

Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể:

Phía Bắc: Từ M1 đến M29 có chiều dài 14,28m, từ M29 đến M28 có chiều dài 8,65m giáp đường đất.

Phía Đông: Từ M28 đến M27 có chiều dài 16,32m, giáp đất nhà Hiếu Minh. Từ M27 đến M26 có chiều dài 9,54m, từ M26 đến M25 có chiều dài 18,86m, từ M25 đến M24 có chiều dài 15,96m, từ M24 đến M23 có chiều dài 8,05m, từ M23 đến M22 là 14,0m, từ M22 đến M21 có chiều dài 10,86m, từ M21 đến M20 có chiều dài 9,16m, từ M20 đến M19 có chiều dài là 18,71m, từ M19 đến M18 có chiều dài 9,30m. Đều giáp đất nhà ông Q. Từ M18 đến M17 có chiều dài 4,55m, từ M17 đến M16 có chiều dài 9,51m, từ M16 đến M15 có chiều dài 4,56m, từ M15 đến M14 có chiều dài 2,12m đều giáp đất M-D. Từ M14 đến M13 có chiều dài 6,28m giáp đất nhà M-D.

Phía Nam: Từ M13 đến M12 có chiều dài là 2,85m, từ M12 đến M12' có chiều dài là 5,32m, từ M11' đến M10 có chiều dài 1,26m, từ M10 đến M9 có chiều dài là 11,34m đều giáp đất nhà M-D.

Phía Tây: Từ M9 đến M8 có chiều dài 13,49m, từ M8 đến M7 có chiều dài 12,29m, từ M7 đến M6 có chiều dài là 8,04 m, từ M6 đến M5 có chiều dài 17,63m, từ M5 đến M4 có chiều dài 19,99m, từ M4 đến M3 có chiều dài 16,89m, từ M3 đến M2 có chiều dài 15,83m, từ M2 đến M1 có chiều dài là 26,07m đều giáp đất nhà M - D.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Buộc ông Nguyễn Văn D bà Nguyễn Thị M phải di dời toàn bộ 78 cây cam ghép trồng từ 02 năm trở lên, 05 cây cam ghép trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm, 16 cây cam ghép cho quả từ 05 năm đến dưới 10 năm, 30 cây chuối sắp cho quả và cây đã cho ra quả nằm trên diện tích 1.446,6 m² tại tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

4. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu toàn bộ thiệt hại đối với 1.446,6m² chè đã bị ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M chặt phá với tổng số tiền là 42.674.700 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M việc yêu cầu Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu phải trả ông bà

số tiền 71.600.000 đồng tiền thiệt hại do Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu không thu mua chè.

6. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu tự nguyện chịu 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản và 2.5000.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu đã nộp đủ.

7. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.133.000đ (hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 3.580.000đ (ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng là 5.713.000đ (năm triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.790.000 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0001758 ngày 09/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị M phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 3.923.000đ đồng (ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu 1.148.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000630 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Chè C Mộc Châu, bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/8/2022.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên